

Bản án số: 755/2024/HS-ST
Ngày: 26-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Yến

Bà Phạm Thị Hồng Nhung

Bà Lê Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 607/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 760/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG N, sinh ngày 01/11/1986 tại Hà Nội; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị N1; có chồng Nguyễn Tuấn H (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2020/HS-ST ngày 28/4/2020, TAND

TP Hà Nội xử phạt 21 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 311/2022/HS-ST ngày 24/8/2022, TAND TP Hà Nội xử phạt 21 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 101/2020/HS-ST ngày 28/4/2020 của TAND TP Hà Nội buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 22 năm 09 tháng tù;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 26/7/2023, Tòa án quân sự thủ đô Hà Nội xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung với Bản án số 311/2022/HS-ST ngày 24/8/2022 của TAND TP Hà Nội buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2020.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T5 - Bộ C1. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an T6, có mặt.

2. NGUYỄN TRỌNG H1, sinh ngày 27/7/1962 tại Hà Nội; ĐKKHKT và nơi cư trú: P8 tầng 4, A6, Tập thể G, phường G, quận B, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Q và bà Bùi Thị X (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị L và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HSST ngày 19/8/1982, TAND quận Ba Đình, TP Hà Nội xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, hạn thử thách 18 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản riêng của công dân*”;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 10/HSST ngày 29/12/1995, TAND quận Ba Đình, TP Hà Nội xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, hạn thử thách 24 tháng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*”;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 215/HSST ngày 17/7/1996, TAND quận Ba Đình, TP Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp hình phạt 12 tháng tại Bản án số 10/HSST ngày 29/12/1995 của TAND quận Ba Đình, TP Hà Nội, buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 27 tháng tù.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 222/HSST ngày 24/02/2000, TAND TP

Hà Nội xử phạt 10 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 30/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an T6, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Phương N:**

Bà Lê Thị Hải Y - Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H1:**

Ông Trần Khắc T1 - Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

*** Bị hại:**

Ngân hàng TMCP Q1 (V1); trụ sở: Tầng A, 2 Tòa nhà S - A P, Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật ông **Đặng Khắc V-** Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền ông **Trần Trọng N2,** ông **Lê Đức P** và ông **Trịnh Hoàng K** - Cán bộ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Phương N (sinh năm: 1986, trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang) không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng đầu tháng 5/2019, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ngân hàng thông qua việc mua xe ô tô trả góp. Để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, Nguyễn Thị Phương N nhờ Nguyễn Trọng H1 (sinh năm: 1962; trú tại: P tầng D Tập thể G, phường G, quận B, TP Hà Nội) mạo danh lấy tên là Nguyễn Văn T2 để vay tiền ngân hàng giúp N. N hứa hẹn với H1, nếu H1 vay được tiền sẽ trả công cho H1, còn N sẽ chuẩn bị hồ sơ vay ngân hàng lấy thông tin của người vay tên Nguyễn Văn T2 (sinh ngày: 10/02/1966; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, Hà Nội), còn H1 có nhiệm vụ đến ngân hàng ký tên là Nguyễn Văn T2 vào các giấy tờ trong hồ sơ tín dụng để ngân hàng giải ngân cho đơn vị bán xe ô tô và chiếm đoạt số tiền vay của ngân hàng. Hành vi phạm tội của các bị can cụ thể như sau:

Ngày 11/5/2019, Nguyễn Thị Phương N cùng Phạm Văn H2 (sinh năm: 1988, trú tại: P - Khu đô thị M, quận H, TP Hà Nội) đến Công ty cổ phần D1 tại số D phố L, quận Đ, TP Hà Nội đặt cọc 20 triệu đồng để mua xe

ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz C300AMG, trị giá là 1,822 tỷ đồng. Tại đây, N và H2 giới thiệu với đơn vị bán xe, N và H2 là vợ chồng, đến xem và mua xe cho bố là Nguyễn Văn T2 do Nguyễn Trọng H1 thủ vai. Hợp đồng mua bán xe ô tô mang tên người mua là Nguyễn Văn T2, hình thức thanh toán: trả tiền mặt và vay 1,5 tỷ đồng tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh H5.

Ngày 13/5/2019, anh Đỗ Thanh T3 là nhân viên bán hàng của Công ty cổ phần D1 đã đưa cho N bản Hợp đồng mua bán ô tô số 298/2019/HĐBH - HN nội dung: Công ty cổ phần D1 bán cho Nguyễn Văn T2 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz C300AMG trị giá 1,822 tỷ đồng. N mang bản hợp đồng này về đưa cho H1 ký tên là Nguyễn Văn T2 vào bên người mua xe.

Ngày 21/5/2019, chị Ngô Thị Hồng N3 là nhân viên Ngân hàng V1 - Chi nhánh H5 đến căn hộ số G tòa nhà H khu đô thị T - C, xã C, huyện T, TP Hà Nội để thẩm định chỗ ở của khách hàng Nguyễn Văn T2. Tại đây, Nguyễn Trọng H1 là người mạo danh lấy tên Nguyễn Văn T2 đã cung cấp 03 (ba) hợp đồng cho thuê xe ô tô mang tên Nguyễn Văn T2 để chứng minh thu nhập, các giấy tờ cá nhân mang tên Nguyễn Văn T2 gồm: chứng minh thư, sổ hộ khẩu, hợp đồng mua căn hộ 718 tòa nhà HH03D khu đô thị T và trả lời các câu hỏi của chị Ngô Thị Hồng N3 theo cách đã được N3 hướng dẫn trước đó. Sau khi tiến hành thẩm định, chị Ngô Thị Hồng N3 thấy đủ điều kiện nên báo cáo anh Lưu Quốc L1 là Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng V1 Chi nhánh H5 đồng ý duyệt hồ sơ cho khách hàng Nguyễn Văn T2 vay 1,5 tỷ đồng.

Ngày 23/5/2019, Ngân hàng V1 Chi nhánh H5 ra Văn bản cam kết thanh toán và gửi đến Chi nhánh Công ty cổ phần D1 tại Hà Nội cam kết thanh toán số tiền 1,5 tỷ đồng cho khách hàng “Nguyễn Văn T2” dùng để mua xe ô tô Mercedes C300AMG300.

Để trả số tiền mua xe còn thiếu là 320 triệu đồng, N3 vay anh Nguyễn Quang C (sinh năm: 1990, trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam) và hẹn sau khi hoàn thiện các thủ tục mua bán xe sẽ bán xe ô tô này cho anh C với giá 1,7 tỷ đồng. Ngày 29/5/2019, anh C chuyển 400 triệu đồng đến tài khoản Ngân hàng Standard Chartered số 90340861201 của Công ty Cổ phần D1. Do anh C chuyển khoản thừa 80 triệu đồng nên ngày 30/5/2019, anh Đỗ

Thanh T3 là nhân viên Công ty D1 đã liên hệ với N3 để trả lại số tiền trên. N3 bảo anh T3 chuyển số tiền này vào tài khoản Ngân hàng T7 số 19032218335012 mang tên Vương Sỹ D.

Sáng ngày 31/5/2019, hồ sơ vay của khách hàng mang tên Nguyễn Văn T2 được duyệt. Khoảng 10 giờ cùng ngày, N3 đưa cho H1 các giấy tờ gồm: 01 (một) giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 201/UBND-XN ngày 22/5/2019 của UBND xã Đ, huyện S, TP Hà Nội và 01 (một) giấy CMND số 012659166 mang tên Nguyễn Văn T2 và bảo H1 đến Ngân hàng V1 tại E phố Q, phường N, quận H, TP Hà Nội xuất trình các giấy tờ này và ký kết hợp đồng. Theo chỉ đạo của N3, H1 đến Ngân hàng V1 ký mạo dưới tên Nguyễn Văn T2 vào các giấy tờ: (1) Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8057575(1).19; (2) Hợp đồng tín dụng mua ô tô tiêu dùng số 8057575.19; (3) Phụ lục 1 của Hợp đồng số 8057575.19; (4) Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6107245.19, nội dung: *“Nguyễn Văn T2 vay Ngân hàng V1 - Chi nhánh H5 số tiền 1,5 tỷ đồng để mua ô tô Mercedes Benz C300 BKS: 30F- 747.79 theo Hợp đồng mua bán xe số 298; Tài sản bảo đảm: Chiếc xe ô tô trên; Phương thức giải ngân: Chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng Standard Chartered số 90340861201 mang tên Công ty Cổ phần D1”*. Cùng ngày, Ngân hàng V1 Chi nhánh H5 giải ngân 1,5 tỷ đồng vào tài khoản số 90340861201 của Công ty D1 mở tại Ngân hàng Standard Chartered để thanh toán tiền mua xe ô tô cho khách hàng Nguyễn Văn T2 với số tiền là 1,5 tỷ đồng do Ngân hàng V1 chuyển. Anh Đỗ Thanh T3 cung cấp cho Nguyễn Thị Phương N và Phạm Văn H2 khi đó tự nhận là con rể, con gái của khách hàng mua xe “Nguyễn Văn T2” bộ giấy tờ của xe ô tô trên để đi làm thủ tục đăng ký xe. Sau đó, N đã đưa lại bộ giấy tờ này cho Nguyễn Trọng H1.

Ngày 03/6/2019, chị Ngô Thị Hồng N3 (nhân viên Ngân hàng V1) đi cùng Nguyễn Trọng H1 (mạo tên là Nguyễn Văn T2) đến Đội quản lý đăng ký xe thuộc Phòng C2 - Công an T6 (Cơ sở 3) ở địa chỉ: số A Đ, xã Y, huyện G, TP Hà Nội làm thủ tục đăng ký, bấm được BKS: 30F - 747.79 cho xe ô tô này. Sau đó, H1 đưa lại cho chị Ngô Thị Hồng N3 bản gốc Giấy hẹn lấy đăng ký xe và thông báo cho Nguyễn Thị Phương N BKS là 30F - 747.79. Sau khi có thông tin biển kiểm soát, N khai thông báo cho Phạm

Văn H2 biết để H2 làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này, mục đích để “đánh tráo” Giấy chứng nhận đăng ký ô tô thật khi nhận tự Đội quản lý đăng ký xe.

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 06/6/2019, chị Ngô Thị Hồng N3 cùng H1 đến số 179 Đặng Phúc T4, xã Y, huyện G để lấy đăng ký xe. Nguyễn Thị Phương N cầm theo Chứng nhận đăng ký ô tô giả số 640769 đề cấp ngày 30/5/2019 đến đây gặp H1 để sau khi H1 nhận xong Giấy chứng nhận đăng ký xe thật thì N sẽ tráo đổi. Đến nơi, chị Ngô Thị Hồng N3 đưa Giấy hẹn lấy đăng ký xe cho H1. H1 vào lấy Chứng nhận đăng ký xe thật rồi đưa cho N3, còn N3 đưa cho H1 chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Sau khi tráo đổi xong, H1 đưa cho chị N3 chứng nhận đăng ký xe giả.

Ngay sau khi nhận Chứng nhận đăng ký xe từ H1, chị N3 đã nghi ngờ đăng ký xe là giả nên đã báo cáo ngân hàng V1 và đến Cơ quan Công an trình báo sự việc, cung cấp 01 USB bên trong chứa 03 file video ghi lại hình ảnh sự việc Nga, H1 làm việc tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh Q2 vào ngày 31/5/2019.

Tại Kết luận giám định số 795 ngày 14/02/2023 của Phòng K1 - Công an T6 kết luận: “Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn T2 dưới chữ ký trên Hợp đồng mua bán xe số 298; Hợp đồng tín dụng mua ô tô tiêu dùng số 8057575.19; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6107245.19; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8057575(1).19 là do Nguyễn Trọng H1 ký, viết ra”.

Tại Kết luận giám định số 4604 ngày 23/7/2019 của Phòng K1 - Công an T6 kết luận: “Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 640769; Tên chủ xe: Nguyễn Văn T2 ở địa chỉ: Phú Thọ, Đ, S, Hà Nội; N4 hiện xe: Mercedes Benz; Màu sơn: Trắng; Số khung: 8DX5KV005975; Số máy: 492030078815; BKS: 30F-747.79; Cấp ngày: 30/5/2019 là giả”.

Xác minh tại Công an xã Đ, huyện S, Hà Nội xác định: Tại xã Đ chỉ có một công dân có tên Nguyễn Văn T2 (sinh năm: 1966, trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội; CMND số 012659166 ảnh người trong CMND do Ngân hàng V1 giao nộp cho Công an đồn B không phải là anh Nguyễn Văn T2 có nhân thân như trên. Anh T2 xuất trình được giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu có các thông tin không giống chứng minh nhân dân do

đối tượng cung cấp cho Ngân hàng V1. Ngoài ra, anh T2 khai năm 2016 anh T2 làm rơi mất giấy chứng minh nhân dân số 012659166 và hiện tại đã làm lại chứng minh nhân dân mới. Anh T2 không làm thủ tục vay vốn ngân hàng V1, không làm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Xác minh tại UBND xã Đ, huyện S, TP Hà Nội về giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 201/UBND-XN ngày 22/5/2019 cấp cho người có tên Nguyễn Văn T2 xác định: UBND xã Đ, huyện S không cấp giấy chứng nhận số 201/UBND-XN ngày 22/5/2019, tại sổ xác nhận tình trạng hôn nhân mới cấp đến số H, không có số 201.

Xác minh tại Công ty Cổ phần Ô: Trong năm 2018, 2019, Công ty không ký kết các hợp đồng thuê xe và chi trả tiền thuê xe cho người có tên là Nguyễn Văn T2 có địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, Thành phố Hà Nội.

Xác minh tại Chi nhánh dịch vụ nhà ở T, Khu đô thị T, xã C, huyện T, TP Hà Nội xác định: Chủ sở hữu của căn hộ 718 là vợ chồng anh Đào Xuân H3 (sinh năm: 1977) và chị Đoàn Thị L2 (sinh năm: 1979), cùng trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện P, TP Hà Nội. Chị L2 cho Phạm Văn H2 thuê căn hộ 718 từ tháng 02/2019, đến tháng 6/2019, H2 không thanh toán tiền nhà, không liên hệ được với H2 nên chị L2 đã lấy lại nhà.

Xác minh tại Ngân hàng T7 xác định: tài khoản số 19032218335012 mang tên Vương Sỹ D, sinh ngày 18/02/1985; trú tại: Thôn C, xã C, huyện H, TP Hà Nội; Chứng minh thư nhân dân số A. Kết quả xác minh; tại địa bàn thôn C, xã C, huyện H, TP Hà Nội không có ai tên Vương Sỹ D có thông tin như trên. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Ngân hàng T7 có biện pháp xử lý đối với tài khoản số 19032218335012.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Phương N khai, N có quan hệ tình cảm với Phạm Văn H2. Khoảng đầu năm 2019, H2 và N do cần mua xe ô tô để đi lại nhưng cả hai không có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bằng hình thức nhờ người đứng tên mạo danh người khác để vay tiền ngân hàng. H2 và N bàn bạc thống nhất là H2 có nhiệm vụ đặt làm giả các giấy tờ, liên hệ với ngân hàng và showroom bán xe ô tô, N có nhiệm vụ tìm người mạo danh để đứng tên đăng ký xe ô tô và hồ sơ vay tín dụng của ngân hàng. H2 đã làm giả Giấy khai sinh số 76/2014 của UBND xã Đ, S; Chứng minh nhân dân số 012659166; Sổ hộ khẩu số 242009239; Giấy xác nhận

tình trạng hôn nhân số 201 của UBND xã Đ, S; Hợp đồng mua bán căn hộ 718 số 206/HĐMB-CHCC-B21.HH03D (để chứng minh tài chính); Ba hợp đồng cho thuê xe ô tô giữa Nguyễn Văn T2 và Công ty Cổ phần Ô (để chứng minh thu nhập) cùng mang tên Nguyễn Văn T2 (có thông tin như trên) và đưa cho N. Sau đó, N đưa lại cho Nguyễn Trọng H1 mang đến Ngân hàng V1 làm thủ tục vay tiền lấy tên người vay là Nguyễn Văn T2. H2 thuê căn hộ số G tòa nhà H khu đô thị T - C, xã C, huyện T, TP Hà Nội của chị Đoàn Thị Lệ . Sau đó, H1 và N dẫn cán bộ Ngân hàng V1 đến thẩm định để ngân hàng tin là nhà của khách hàng Nguyễn Văn T2. Khi chuẩn bị xong thủ tục, N dẫn H1 đến Ngân hàng V1 để H1 lấy tên Nguyễn Văn T2 và thực hiện các thủ tục vay 1,5 tỷ đồng. Sau khi có thông tin biển kiểm soát xe ô tô, N thông báo cho H2 để H2 làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe. Khi H1 đưa cho N chứng nhận đăng ký xe thật, N đưa lại cho chị Ngô Thị Hồng N3 bản chứng nhận đăng ký xe giả. Sau đó N3 đưa lại Giấy đăng ký xe thật và xe ô tô cho H2. Hiện N3 không biết chiếc xe ô tô này đang ở đâu.

Nguyễn Trọng H1 khai nhận phù hợp với Nguyễn Thị Phương N về việc giúp N mạo danh Nguyễn Văn T2 để ký hợp đồng mua xe và vay tiền ngân hàng. Ngày 06/6/2023, sau khi lấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô từ Phòng Cảnh sát giao thông ra, H1 đưa cho N. Sau đó, N đã cất Chứng nhận đăng ký này đi và đưa cho chị Ngô Thị Hồng N3 đăng ký ô tô giả. H1 không trao đổi, thỏa thuận với Phạm Văn H2, chỉ thực hiện theo yêu cầu của N3, không biết việc H2 và N3 quản lý xe ô tô BKS: 30F-747.79 như thế nào. H1 được N3 trả công 10 triệu đồng, H1 đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Phạm Văn H2 hiện đang thi hành án tại Trại giam S1 - Bộ C1. H2 khai H2 không cùng N3 mua xe ô tô Mercedes Benz C300AMG BKS 30F-747.79 vào thời điểm tháng 5/2019, không làm giả giấy tờ mang tên Nguyễn Văn T2, không được N3 bàn giao cho chiếc xe ô tô này. Khi đang làm dịch vụ vận tải, khoảng tháng 02/2019, H2 thuê căn hộ số G tòa nhà H khu đô thị T - C, xã C, huyện T, TP Hà Nội cho lái xe và phụ xe của H2 ngủ qua đêm, N3 cũng có chìa khóa nhà. H2 thuê được khoảng 10 ngày và bỏ trốn truy nã nên không về nhà đó nữa.

Chị Ngô Thị Hồng N3 (Nhân viên ngân hàng V1) chứng kiến Nguyễn Văn T2 trực tiếp nhận đăng ký xe và ký sổ nhận tại cơ sở đăng ký xe. Sau

đó, T2 xin phép cầm đăng ký xe ra ngoài sân để chụp ảnh rồi trả lại, có một người phụ nữ xưng là con gái T2 đi cùng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho chị Ngô Thị Hồng N3 nhận dạng Nguyễn Trọng H1 và chị N3 xác định H1 là người đóng giả “Nguyễn Văn T2” tại căn hộ 718 vào ngày 21/5/2019 và là người đã đóng giả, ký tên “Nguyễn Văn T2” lên các văn bản, giấy tờ tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh H5.

Anh Đỗ Thanh T3 (nhân viên bán hàng của Công ty cổ phần D1) có bán xe cho khách hàng Nguyễn Văn T2 khoảng đầu tháng 6/2019. Người đến xem xe giới thiệu là con gái (không rõ nhân thân) và con rể (Phạm Văn H2) của Nguyễn Văn T2, còn người nhận xe là Phạm Văn H2 và người đàn ông tên C.

Anh Nguyễn Quang C gặp Nguyễn Thị Phương N ở Showroom M - D L, quận Đ, TP Hà Nội khoảng cuối tháng 5/2019. N nói đã đặt mua chiếc xe Mercedes-Benz C300AMG chưa đăng ký, nếu anh C có nhu cầu mua, N sẽ bán lại, anh C đồng ý mua, thỏa thuận giá 1,7 tỷ đồng. N nói còn thiếu 400 triệu đồng tiền mua xe nên bảo anh C chuyển số tiền này vào tài khoản của công ty bán xe Haxaco Láng H4, hẹn giao xe cho anh C khi đăng ký xong. Đến đầu tháng 6/2019, khi được N thông báo xe đã lắp BKS: 30F-747.79, anh C đến Haxaco Láng H4 nhận xe, lúc này chưa có đăng ký xe, chỉ có giấy hẹn đăng kiểm. Khoảng 01 tuần sau không thấy N chuyển lại chứng nhận đăng ký xe và đăng kiểm xe bản gốc nên anh C đòi lại tiền mặt và giao xe lại cho N tại khu vực đường V, gần siêu thị B1, quận L, TP Hà Nội.

Đối với Phạm Văn H2, quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị Phương N khai H2 bàn bạc với N về việc chiếm đoạt tiền của ngân hàng thông qua việc mua xe ô tô trả góp; H2 có nhiệm vụ đặt làm giả các giấy tờ, liên hệ ngân hàng và showroom bán xe ô tô, còn N tìm người mạo danh để đứng tên đăng ký xe ô tô và ký tên hồ sơ vay tín dụng; sau khi đăng ký xe và nhận bàn giao xe ô tô, H2 là người sử dụng. Tuy nhiên, H2 không thừa nhận lời khai của N, H2 khẳng định không bàn bạc với N về việc chiếm đoạt tiền của ngân hàng thông qua việc mua xe ô tô trả góp, không làm giả Chứng nhận đăng ký xe và các tài liệu trong hồ sơ vay tín dụng, không gặp

và không biết Nguyễn Trọng H1, không quản lý và sử dụng xe ô tô Mercedes Benz C300 BKS 30F-747.79. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa N và H2, kết quả H2 và N vẫn giữ nguyên lời khai. Như vậy, ngoài lời khai của N không có tài liệu chứng minh khác nên chưa đủ cơ sở xác định H2 đồng phạm với N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức.

Ngày 30/9/2019, Cơ quan điều tra đã ra Thông báo số 1475 truy tìm chiếc xe ô tô Mercedes Benz C300, Số khung: RLMWF8DXSKV005975, Số máy: 26492030078815; BKS 30F-747.79 nhưng chưa có kết quả.

Ngày 29/5/2024, Ngân hàng V1 có văn bản đề nghị cơ quan điều tra xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật, hỗ trợ truy tìm chiếc xe ô tô Mercedes Benz C300 BKS: 30F- 747.79 để thu hồi khoản nợ xấu đã kéo dài.

Quá trình điều tra, Ngân hàng V1 cung cấp bản photo 07 (bảy) tài liệu trong hồ sơ tín dụng gồm: 03 (ba) hợp đồng cho thuê xe ô tô giữa Nguyễn Văn T2 với Công ty Cổ phần Ô; 01 (một) Hợp đồng mua bán căn hộ 718 số 206/HĐMB-CHCC-B21.HH03D có bên người mua là Nguyễn Văn T2; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 012659166 mang tên Nguyễn Văn T2 (dán hình ảnh của Nguyễn Trọng H1); 01 (một) Sổ hộ khẩu số 242009239 có chủ hộ là Nguyễn Văn T2; 01 (một) Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 201 của UBND xã Đ, S mang tên Nguyễn Văn T2. Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Trọng H1 được Nguyễn Thị Phương N đưa 07 (bảy) bản gốc các giấy tờ trên đến Ngân hàng V1 Chi nhánh H5 để đối chiếu, sau đó nhân viên ngân hàng đã photo lại và đóng dấu “đã đối chiếu bản gốc ngày 30/5/2019” các tài liệu gồm: Chứng minh nhân dân số 012659166 mang tên Nguyễn Văn T2; Sổ hộ khẩu số 242009239 có chủ hộ là Nguyễn Văn T2; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 201 của UBND xã Đ, S mang tên Nguyễn Văn T2. Mặc dù kết quả điều tra xác định thông tin trên các tài liệu này không có thật, N khai các tài liệu này là giả do H2 đưa cho N nhưng Cơ quan điều tra không thu được bản gốc nên không có căn cứ để quy kết N làm giả 07 (bảy) tài liệu này. Nguyễn Thị Phương N có hành vi làm giả 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 640769, đã phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức.

Như vậy, thông qua việc mua xe ô tô trả góp, Nguyễn Thị Phương N đã thuê Nguyễn Trọng H1 mạo danh Nguyễn Văn T2, đưa ra các giấy tờ, tài liệu không có thật do N cung cấp để ngân hàng V1 tin tưởng cho vay tiền, sau đó chiếm đoạt của Ngân hàng V1 1,5 tỷ đồng. Nguyễn Thị Phương N và Nguyễn Trọng H1 đã đồng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra, Nguyễn Thị Phương N còn có hành vi Làm giả 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 640769, đã phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức.

Bản cáo trạng số 560/CT-VKS-P3 ngày 23/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Trọng H1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Trọng H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng đã quy kết. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo Nguyễn Thị Phương N hoàn cảnh gia đình khó khăn; Bị cáo Nguyễn Trọng H1 tuổi đã cao, con còn nhỏ.

Bị hại Ngân hàng TMCP Q1 có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật, buộc các bị cáo phải bồi thường trả Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 26/12/2024 tổng cộng là 2.969.868.678 đồng, trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi là 1.469.868.678 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại, những người làm chứng cùng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; Nguyễn Trọng H1 về tội “*Lừa*

đạo chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Phương N từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 14 đến 15 năm tù. Tổng hợp hình phạt với 30 năm tù tại hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án quân sự thủ đô Hà Nội là 30 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Trọng H1 từ 12 đến 13 năm tù. Truy thu của bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Trọng H1 phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 1.500.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Phương N trình bày bản bào chữa không có ý kiến về tội danh. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo 03 con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Phương N.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H1 trình bày bản bào chữa cho rằng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do tuổi đã cao, nhận thức pháp luật hạn chế; Bị cáo nhẹ dạ, cả tin; Mức án Viện kiểm sát đề nghị quá cao. Luật sư đề nghị cho bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Trong phần tranh tụng Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Trọng H1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Thị Phương N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Ngân hàng TMCP Q1 (V1) - Chi nhánh H5 thông qua việc mua xe ô tô trả góp. Tháng 5/2019, N đã thuê Nguyễn Trọng H1 mạo danh người tên “Nguyễn Văn T2” đứng ra làm thủ tục vay tiền ngân hàng và đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. N đưa cho H1 giấy tờ, tài liệu không có thật để làm hồ sơ vay ngân hàng. Ngày 30/5/2019, Ngân hàng TMCP Q1 (V1) - Chi nhánh H5 chấp thuận cho vay và giải ngân 1,5 tỷ đồng vào tài khoản Công ty cổ phần D1 để thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes Benz C300 cho khách hàng Nguyễn Văn T2 (do Nguyễn Trọng H1 mạo danh). N chỉ đạo H1 đi cùng nhân viên ngân hàng làm thủ tục đăng ký xe. Sau khi có thông tin Kiểm soát, N đã làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe số 640769 mục đích để trao đổi với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thật. Đến hẹn, H1 đến nhận Giấy chứng nhận đăng lý xe ô tô thật và đưa cho N cầm Giấy chứng nhận đăng ký ô tô giả mang số 640769 đưa cho nhân viên ngân hàng. Hiện nay, Cơ quan điều tra đang truy tìm xe Mercedes Benz C300 BKS 30F-747.79 nhưng chưa thu hồi được. Ngân hàng TMCP Q1 (V1) hiện không thu hồi được khoản vay và bị thiệt hại 1.500.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Trọng H1 đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hành vi chiếm đoạt tổng

số tiền 1.500.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Trọng H1 thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*” và Nguyễn Thị Phương N đã làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 640769 đã phạm vào tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Chính vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Trọng H1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng các quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của Ngân hàng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, ảnh hưởng lớn đến hoạt động, kinh doanh bình thường của Ngân hàng, xâm phạm đến lĩnh vực quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước. Do vậy đối với các bị cáo cần phải đưa ra xét xử nghiêm khắc trước pháp luật mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa loại tội phạm này nói chung.

[4] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy bị cáo Nguyễn Thị Phương N là người giữ vai trò chính, bị cáo là người chủ mưu và chỉ đạo bị cáo Nguyễn Trọng H1 thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trực tiếp chiếm đoạt tiền của bị hại thông qua hình thức mua xe ô tô nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Trọng H1 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn Thị Phương N, trực tiếp thực hiện các hành vi gian dối để lừa bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản nên bị cáo cũng phải chịu một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tăng nặng: Không.

- Giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Trọng H1 đều thành khẩn khai báo nhận tội và tỏ ra ăn

năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Nguyễn Trọng H1 phạm tội với vai trò giúp sức, được hưởng không lớn từ hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Ngân hàng TMCP Q1 (V1) yêu cầu buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Trọng H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ngân hàng do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 26/12/2024 là 2.969.868.678 đồng, trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi là 1.469.868.678 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Phương N và Nguyễn Trọng H1 đã gây thiệt hại và chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng của Ngân hàng nên các bị cáo phải liên đới bồi thường trả ngân hàng khoản tiền chiếm đoạt.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q1 (V1) đề nghị bồi thường tiền lãi tạm tính đến ngày 26/12/2024 số tiền là 1.469.868.678 đồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi gian dối thông qua hợp đồng tín dụng ký kết với ngân hàng các bị cáo chiếm đoạt toàn bộ khoản tiền ngân hàng đã giải ngân, do vậy Hợp đồng tín dụng trên là vô hiệu, không phát sinh tiền lãi. Do vậy Ngân hàng TMCP Q1 (V1) đề nghị buộc các bị cáo phải bồi thường khoản tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận. Chỉ có căn cứ buộc các bị cáo chỉ phải bồi thường khoản tiền chiếm đoạt của Ngân hàng chưa khắc phục. Vì vậy cần buộc Nguyễn Thị Phương N và Nguyễn Trọng H1 phải liên đới bồi thường trả Ngân hàng TMCP Q1 (V1) số tiền 1.500.000.000 đồng, cụ thể phần của từng bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương N với vai trò chủ mưu, chiếm đoạt phần lớn số tiền nên phải bồi thường số tiền 1.400.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Trọng H1 đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị Phương N, được hưởng lợi không lớn nên phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Nguyễn Trọng H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38, Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Phương N 14 (Mười bốn)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và **01 (Một)** năm **06 (S)** tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là **15 (Mười lăm)** năm **06 (S)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt với **30 (Ba mươi)** năm tù tại Bản án số: 08/2023/HS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án quân sự thủ đô Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **30 (Ba mươi)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **12/5/2020**.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng H1 12 (Mười hai)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **30/3/2023**.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo **Nguyễn Thị Phương N** và **Nguyễn Trọng H1** phải liên đới bồi thường trả cho **Ngân hàng TMCP Q1 (V1)** số tiền **1.500.000.000** đồng (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*), cụ thể phần của từng bị cáo như sau:

- Bị cáo **Nguyễn Thị Phương N** phải bồi thường số tiền **1.400.000.000** đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*).

- Bị cáo **Nguyễn Trọng H1** phải bồi thường số tiền **100.000.000** đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương N phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 54.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Trọng H1 phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A Dân sự thành phố Hà Nội;
- Các Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh